

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23/8/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải
2. Ông Lã Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐXXST-HNGD ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lưu Khánh P - sinh năm 1988; HKTT: Số nhà 031, tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn B, M, Hưng Yên; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Đặng Đức T - sinh năm 1985; HKTT: Số nhà 031, tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Lưu Khánh P trình bày: chị và anh T kết hôn vào tháng 3 năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khi kết hôn anh chị sống chung với bố mẹ chồng tại số nhà 031, tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi kết hôn chỉ một vài tháng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đi sớm về muộn, rượu chè, thậm chí còn sử dụng ma túy,

anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm tới chị và các con. Năm 2012, sau khi chị sinh con được 03 tháng anh T dẫn một người phụ nữ khác về nhà. Sau đó được gia đình hòa giải nên anh chị lại đoàn tụ. Đến tháng 7/2015 vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát nên chị xin phép gia đình cho chị đi làm ở Thái Nguyên. Năm 2018, chị đã có ý kiến với anh T nếu anh T tu chí làm ăn chị sẽ về Cao Bằng để cùng nhau chung sống kiếm tiền nuôi các con nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị vẫn tiếp tục làm việc ở Thái Nguyên. Khoảng hơn 2 tháng gần đây chị chuyển chỗ làm mới tại khu phố N, thị trấn B, M, Hưng Yên. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đặng Anh M, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2010 và Đặng Băng B, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2012. Hiện nay các con chung đang sống với bố tại số nhà 031, tổ 24, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi ly hôn, chị P đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con, trường hợp anh T không đồng ý cho chị nuôi cả 02 con thì chị đề nghị được nuôi 01 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị P đang làm thủ kho của Công ty G Việt Nam, địa chỉ: Khu phố N, thị trấn B, M, tỉnh Hưng Yên. Thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng.

Về chỗ ở: hiện nay chị P đang thuê trọ ở Đội 10, thôn V, thị trấn B, M, tỉnh Hưng Yên.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị P có quan hệ hôn nhân như chị Phương trình bày.

Về quá trình chung sống: sau khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau khi sinh con xong thì thoảng chị P bỏ nhà đi vài ngày không rõ đi đâu. Đến năm 2015, chị P bỏ nhà đi Thái Nguyên làm việc. Từ khi chị P đi Thái Nguyên gia đình bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị P nói dối anh T là đi Thái Nguyên học 02 ngày nhưng thực tế chị P đi làm ở đó tới tận bây giờ.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mà chị P trình bày: anh xác nhận khi kết hôn thời gian đầu anh có rượu chè và có sử dụng ma túy. Nhưng tới thời điểm chị P bỏ đi anh đã cai để ở nhà trông nom con. Anh T cho rằng nguyên nhân chị P yêu cầu ly hôn do chị P có quan hệ ngoài hôn nhân. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị P trình bày. Chị P từ lúc bỏ đi không quan tâm tới các cháu. Do hai cháu gần bó tình cảm với nhau, các cháu ở nhà với anh T đều ngoan và học giỏi. Do đó, anh đề nghị được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay anh T làm nghề tự do, buổi sáng bán hàng bánh cuốn giúp mẹ, ngoài ra còn làm thêm phụ sơn, làm đồ gỗ. Thu nhập bình quân hàng tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: anh T xác nhận anh và chị P không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2019, cháu Đặng Băng B và Đặng Anh M cho biết nguyện vọng của các cháu là được sống với bố.

Tại phiên tòa chị P vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn. Anh T nhất trí ly hôn. Về con chung: hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị P. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị P và anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Khánh P.

- Về việc nuôi con chung: Khi ly hôn, giao cháu Đặng Băng B và cháu Đặng Anh M cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các đương sự xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không có nợ riêng, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Lưu Khánh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị P và anh T kết hôn tháng 3 năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao

Bằng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị P cho rằng do anh T thường xuyên đi sớm về muộn, rượu chè, không tu chí làm ăn, không quan tâm tới vợ con, thậm chí còn sử dụng ma túy. Anh P cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị P có quan hệ ngoài hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên đều nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn, nay anh chị hoàn toàn tự nguyện ly hôn nên cần xử cho chị P được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung:

Chị P và anh T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là: Đặng Anh M (sinh ngày 25/12/2010) và Đặng Bằng B (sinh ngày 11/3/2012).

Tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung, nợ riêng: hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: chị P và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Khánh P. Xử cho chị Lưu Khánh P được ly hôn anh Đặng Đức T.

- Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự như sau:

Giao con chung Đặng Anh M (sinh ngày 25/12/2010, giới tính: nam) và Đặng Băng B (sinh ngày 11/3/2012, giới tính: nữ) cho anh Đặng Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Lưu Khánh P.

Chị Lưu Khánh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lưu Khánh P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị P đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000441 ngày 23/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm. Chị Lưu Khánh P và anh Đặng Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường Sông Hiến;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Phương